

Tóm lược giảng giải Pháp Bảo Đàn kinh (Phẩm 2)

ISSN: 2734-9195 09:25 18/06/2025

Pháp giới là tâm trí tuệ tính Không. Muốn nhập pháp giới sâu thẳm này, phải tu hạnh Bát nhã, niệm niệm tương ưng thấy biết tính Không, trì tụng Kinh Kim Cương làm tính Không luôn luôn hiện tiền.

Phẩm thứ hai - Phẩm trí tuệ

1. Bát nhã trí tuệ - Tính Không

Bát nhã là trí tuệ. Ma ha Bát nhã ba la mật đa là Đại Trí tuệ rất ráo, Đại Trí tuệ qua đến bờ bên kia, Đại Trí tuệ thấy biết tính Không ở khắp cả. Hệ thống Kinh Đại Bát Nhã nói về tính Không chiếm số lượng kinh rất lớn trong Đại thừa. Và có thể nói, tất cả kinh điển và tông phái của Đại thừa đều đặt trên nền tảng tính Không.

Trí tuệ giác ngộ ai ai cũng có thể đạt tới, chỉ vì duyên theo các tướng và tướng bên ngoài mà lìa khỏi bản tâm xưa nay vốn có nên lạc mất chỗ thường trụ. Như mãi đuổi theo sóng mà quên mất mình là đại dương. Trong trí tuệ Bát nhã bốn nguyên, bản tính mình là Phật, lìa tính thì không có Phật nào khác. Nhưng tính thì không đâu chẳng có. Không có tướng và tướng, đó là tính; mà có tướng và tướng đó cũng là tính. Như tấm gương sáng không có bóng hay có bóng thì vẫn là tấm gương. Bản tính mình là Phật. Không thể nào ra khỏi bản tính này, niệm hay không có niệm đều không thể ra khỏi bản tính này, làm đúng làm sai đều không thể ra khỏi bản tính này, có hay không, sinh hay diệt, đều không thể ra khỏi bản tính này.

Tâm thì bao la như hư không, vô biên, vô hạn, thật thấy biết tâm như vậy tức là giải thoát. Trong tâm vô biên ấy không có một đặc tính riêng biệt nào, không có một vật gì có thể đặc. Và bản tính của mọi sự vật là tính Không, vô tự tính, vô sở hữu, bất khả đặc. Thế nên thấy gì, nghe gì, nghĩ gì, và mọi cái được thấy, được nghe, được nghĩ đều là tính Không. Như vậy tính Không ở khắp tất cả, vì

không có một hiện hữu nào mà không vô tự tính, vô sở hữu, bất khả đắc. Các tướng đều là tính Không, cho nên tất cả là tính Không. Để thấy biết được tính Không của ngã và pháp này, phải “tâm làm”, nghĩa là phải Chỉ, Quán, và Chỉ Quán đồng thời, hay Thiền. Chỉ Quán, ngài Huệ Năng gọi là Định Tuệ. Tâm có Định Tuệ mới “tương ưng” được tính Không. Với người đã “tâm làm” đầy đủ, chỉ cần nhìn vào bầu trời, nhìn vào hư không bèn thấy tâm, vì “tâm lượng rộng lớn như hư không”, và tâm thấy cái gì thì tâm là cái đó, tâm nhìn hư không thì tâm là hư không.

Nhìn bầu trời, nhìn hư không, đó là nhìn tâm, nhìn tính Không. Bởi thế Sơ tổ Bồ Đề Đạt Ma chín năm “nhìn vách”, đó là nhìn tâm, nhìn tính Không. Nhưng ngài Huệ Năng nói chớ nghe nói Không bèn bám chấp không. Đây là một lỗi lầm “thứ nhất”. Tính Không không phải là không có gì cả, bởi vì “nào ngờ tự tính hay sinh muôn pháp”. Tính Không có tất cả sắc, nhưng “sắc tức là Không”. Tâm Không thì thấy tất cả pháp đều là Tâm mà không sinh vọng tưởng phân biệt. Khi thấy tất cả pháp đều là Tâm, cũng đều là Không, đó là bước vào cửa ngộ. Ngồi yên lặng (tĩnh tọa hay ngồi thiền) cũng có được nói trong Kinh Duy Ma Cật. Lục Tổ không bác bỏ ngồi thiền như chính ngài và các Thiền sư về sau có làm, ngài chỉ bác bỏ việc ngồi mà bám chấp vào cái không trống rỗng không có sự sống, không linh hoạt, nghĩa là không có ích lợi, không sinh trí tuệ, gọi là không vô ký. Chẳng phải tình cờ mà vào Kinh ngài giảng phẩm Trí tuệ, nghĩa là nền tảng của Thiền tông là Trí tuệ chứ không phải Thiền định, cái thứ 6 và thứ 5 trong 6 Ba la mật.

Tâm hay tính của con người thì như hư không bao trùm mọi thế giới, mọi vật sắc tướng, không có cái gì không ở trong nó. Người nào kinh nghiệm được tâm thì thấy được tất cả vũ trụ vạn vật đều ở trong tâm mình. Người nào là tâm thì tất cả vũ trụ vạn vật đều là mình, đồng thời tất cả vũ trụ vạn vật cũng chẳng dính dáng gì đến mình cả. Nhưng làm sao kinh nghiệm được tâm? Nếu thấy tất cả cảnh, tất cả người mà không phân biệt và chạy theo các tướng tốt xấu, phải trái, chẳng lấy chẳng bỏ, thì đây chính là tâm, hiện tiền trùm khắp, tâm như hư không mà chứa tất cả pháp. Tất cả đều là tâm thì còn phân biệt cái gì nữa? Cái thấy tất cả mà chẳng lấy chẳng bỏ bèn vô biên như hư không này, đó là cái thấy tính, thấy tâm.

Tính Không không phải là không có gì cả, mà sống động phi thường. Tâm ấy bao la khắp cả không cái gì có thể ở ngoài nó; dùng nó, sống nó thì mọi sự đều tỏa sáng, rõ ràng phân minh vì có cái gì mà không phải là tâm trí tuệ? Tất cả là một, vì tất cả là một Tâm, một tính Không. Một là tất cả, vì tính Không bao trùm và là tất cả, không có cái gì ra ngoài và không phải là tính Không. Tất cả là một, một là tất cả, vì tất cả và một đều là tính Không, hoàn toàn vô ngại. Trong tâm pháp giới, mọi sự đến đi đều tự do, không có cái gì dính mắc cái gì. Tu là thấy

tâm hay tính ấy, ngay tại đây và bây giờ, chưa hề lìa đương niệm, và sống nó cho đến trọn vẹn.

Trí tuệ Bát nhã đều từ tự tính mà sinh, cho nên chỉ cần thấy tâm, thấy tự tính bèn là thấy trí tuệ. Khi thấy rồi thì khởi tâm, động niệm, làm việc gì thì cũng khởi từ chân tính hay trí tuệ, hành động trong chân tính và chấm dứt trong chân tính. Lúc ấy không còn là ‘tôi’ làm việc ‘của tôi’ mà chính là chân tính làm, mà chân tính thì bao la như hư không, nên sự làm cũng bao la như hư không, không có trung tâm nào cả, như thế làm mà như không làm, gọi là chân tính tự dụng. Tâm là sự việc lớn lao, bao la, suốt khắp, nên chớ làm theo lối nhỏ. Lối nhỏ là tôi có cái thấy của tôi, tôi thiền định mình tôi, tôi làm hạnh của tôi, tôi thành quả của tôi. Tôi và của tôi làm cho tâm bao la trở thành lối nhỏ. Như vậy tức là miệng trọn ngày nói không mà chỉ tu ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả.

Trong tâm lượng thì mọi cử chỉ, nói năng, im lặng đều là tâm, đều là chân, và đều bao la như tâm. Trong chân tính thì tất cả sự đều là diệu dụng, tức là đều là Không, là Như, gọi là chân tính tự dụng. Nghĩa là tướng là sự tự dụng của chân tính. Chân tính vốn giải thoát nên sự tự dụng của nó là các tướng cũng vốn giải thoát.

Bát nhã là tâm trí tuệ vừa trống không yên lặng (không tịch) vừa sáng soi (chiếu) luôn luôn hiện diện nơi mỗi người trong mọi nơi chốn, mọi thời gian. Phải thấy rằng nếu không có nền tảng tâm trí tuệ lặng sáng ấy thì cũng chẳng có niệm tướng phân biệt rồi đuổi theo. Làm thế nào để hiểu biết tâm trí tuệ này? Tâm trí tuệ chính là tính Không “không có hình tướng” vô biên vô bờ. Bằng thiền định và thiền quán sâu vào khoảng không gian giữa hai ý tưởng, chúng ta sẽ thấy khoảng hở giữa hai ý tưởng là tính Không bao la vô biên. Khi đã quen với khoảng hở chính là tính Không vô biên ấy, chúng ta sẽ thấy chính những ý tưởng cũng chính là tính Không, như giữa hai làn sóng là nước đại dương và rồi các làn sóng cũng là nước đại dương. Tâm trí tuệ là tính Không. Thường thấy tâm trí tuệ tính Không này và những ý tưởng là sự thể hiện của tâm trí tuệ tính Không nên những ý tưởng vẫn tự giải thoát. Đó là hạnh Bát nhã, sống thường trực trong Chân Không.

Bám theo cảnh, sinh diệt liền khởi, như nước có nổi sóng, đây là sinh tử. Còn ngay nơi cảnh mà lìa cảnh, thì tức khắc không có sinh diệt, bèn là Niết bàn, là bờ bên kia. Kinh Kim Cương nói: “Thấy các tướng là chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai”. Thế mới biết sinh tử là do mình vọng động tự tạo, chứ xưa nay có bao giờ ra khỏi Niết bàn không sinh không diệt được đâu. Bám cảnh thì sinh diệt khởi, đó là bờ bên này. Lìa cảnh thì không có sinh diệt, đây là bờ bên kia. Bờ này hay bờ kia nằm ngay trong một niệm. Đây là tu trí tuệ ba la mật.



Ảnh minh họa thiết kế bởi AI - Tạp chí Nghiên cứu Phật học

2. Chữ "Niệm"

Chữ “niệm” được dùng rất nhiều trong Pháp Bảo Đàn. Niệm là một then chốt của Đốn giáo. Chữ “lìa” cũng được nói nhiều trong kinh. Lìa là sự tu hành, dụng công mà như không dụng công. “Một niệm” là niệm hiện tại đây, gọi là đương niệm. Đương niệm mà mê, tức là phàm phu, là phiền não. Đương niệm mà biết, tức là Phật, là giác ngộ.

Tâm trí tuệ, tự tính Giác ngộ vốn có sẵn, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Tâm trí tuệ là cái đương niệm này. Ngộ là ngộ được tâm trí tuệ tính Không, tất cả vốn lìa, ngộ là ngộ được cái đương niệm Tâm – Không này. Đương niệm này mọi người đều đang có, trong đương niệm này tất cả chúng sinh bình đẳng với chư Phật. Trong đương niệm rỗng lặng sáng soi này mà có vọng, có trái, có bám cảnh đó là muốn làm phàm phu. Trong đương niệm này mà lìa tướng, lìa tướng thì liền ngay đây tâm trí tuệ, tâm giác ngộ hiện tiền. “Niệm niệm thường hành trí tuệ” thì niệm niệm thường ngộ. Niệm niệm thường tu như vậy thì niệm niệm thường chứng. Hành và ngộ, tu và chứng đều nằm trong đương niệm này. Dùng nó thì có khắp pháp giới, khắp tất cả không gian thời gian. Đây gọi là “chân tính tự dụng”.

Tối tôn, tối thượng, tối đệ nhất, vì sinh tử không thể chạm tới để nhiễm ô được. Nhưng nó cũng là cái ngay trước mắt: không trụ, không qua, cũng không tới. Giải thoát, giác ngộ đều sinh ra từ cái đương niệm không thể nhiễm ô, không

trụ, không qua, không tới này. Đương niệm này là tính Không nền tảng, ánh sáng nền tảng, từ đây mà lạc bước bám tướng bèn có năm uẩn, phiền não, trần lao, ba độc, cho nên dựa vào nó thì chuyển hóa được tất cả bất tịnh tạo thành sinh tử. Chuyển hóa như thế nào? Không thấy có tướng sinh tử trước mặt, đó là giải thoát. Biến ba độc tham sân si thành công đức giới định tuệ, giàu có khắp pháp giới như vậy thì thế gian nào bằng được.

Trí tuệ thường hiển hiện, chẳng là tự tính nhưng người đời không thấy biết được vì trần lao ngăn che. Thế nên an trụ nơi tính chân như của mình, lấy trí tuệ quán chiếu thì ánh sáng trí tuệ soi chiếu phá tan trần lao phiền não. Trần lao phiền não càng tiêu thì trí tuệ càng hiển hiện. Đây là y trên tính mà tu, biết “dùng tính chân như của mình”.

Không có niệm, không nhớ nghĩ, không bám dính, không khởi hư vọng, mới biết xưa nay chưa từng rời khỏi nhà, xưa nay không lúc nào không là ông chủ rỗng rang thường trụ nơi đây mà tiếp khách vô thường, qua lại, đến đi. Khi ngộ pháp này là ngộ tự tính chân như của mình, và lúc ấy mới thấy nền tảng hay bản tính của tâm vốn là không có niệm, không nhớ nghĩ, không bám dính, không hư vọng. Vậy thì muốn tương ứng với tự tính chân như tâm thức bình thường của mình phải hành hạnh trí tuệ: không có niệm, không nhớ nghĩ, không bám dính, không hư vọng. Khi công phu đã khá đủ, trần lao phiền não đã rơi rụng khá nhiều, người ta liền lập tức tương ứng, thông thương với tự tính xưa nay vốn có sẵn trước mắt. Ngộ được tự tính vốn không có niệm, không nhớ nghĩ, không bám dính, không hư vọng thì các trần lao phiền não cũng là tính Không như vậy.

Pháp giới là tâm trí tuệ tính Không. Muốn nhập pháp giới sâu thẳm này, phải tu hạnh Bát nhã, niệm niệm tương ứng thấy biết tính Không, trì tụng Kinh Kim Cương làm tính Không luôn luôn hiện tiền.

Kinh Kim Cương nói, không phải chỉ một lần, “khi nghe kinh này, thậm chí trong một niệm sinh lòng tin chân thật, Như Lai thấy rõ, biết rõ những chúng sinh ấy được vô lượng phước đức”. Tin là tin “bản tính mình tự có trí Bát nhã, bản tính ấy tự dùng trí tuệ thường quán chiếu”. Bản tính mình là tính Không, vô niệm, vô trụ, nhưng luôn luôn có ánh sáng thường soi chiếu, nói gọn là Không Minh. Tin thật sự là tìm đến và an trụ nơi tính Không Minh ấy, và tu là tương ứng với tính Không Minh ấy để nhờ sức mạnh của tính Không mà chúng tất cả các pháp là Không và tất cả trần lao phiền não tiêu tan trong ánh sáng của tính Minh. Tin là tin rằng, thân tâm, thế giới, chúng sinh đều đang ở trong bản tâm tính Không trùm khắp và thấu thoát qua tất cả, “ba đời chư Phật từ trong đó mà ra”. Cái “công đức vô lượng vô biên” ấy luôn luôn hiện có trước mắt, “không trụ, không

qua cũng không tới”. Vì “tự tính vốn thanh tịnh, vốn tự đầy đủ” nên có thiền định bao nhiêu cũng không làm nó thanh tịnh thêm, có loạn tâm bao nhiêu cũng không làm cho nó dơ đi, có làm bao nhiêu việc cũng không làm nó tăng thêm công đức. Nó vốn tự đầy đủ nên sửa sang, chỉnh trị, thêm thắt chỉ là việc vô ích.

Cho nên tu là buông xả, thư giãn, hòa nhập trong cái vốn thanh tịnh, vốn tự đầy đủ có sẵn ấy, không tăng không giảm, không dơ không sạch, không sinh không diệt, vì “xưa nay không một vật”. Còn muốn tăng thêm, đó là bốn tướng ta, người, chúng sinh, thọ giả tăng thêm, muốn diệt trừ cái gì, đó là lọt vào trường sinh diệt của sinh tử, muốn làm cái gì thì đó là tạo thêm phiền não chướng và sở tri chướng ngăn che với nó. Tóm lại sự thực hành không nương dựa vào những cái vô thường như căn, trần, thức, hơi thở, cảm thọ,... để đối trị, diệt trừ trần lao phiền não là những thứ vô thường khác, mà y vào chính bản tính Không Minh của mình để nó tự làm việc.

Mọi người đều nguyên có trí Bát nhã, đều là trí Bát nhã, không ai nhiều hơn không ai ít hơn, như mặt trời đồng đều sáng khắp. Chỉ vì tự che chướng mình bằng phiền não (phiền não chướng) và tà kiến (sở tri chướng) mà chẳng thấy tâm trí tuệ như mặt trời chiếu sáng khắp. “Trí Bát nhã không có lớn nhỏ”, chỉ vì cái ta và cái của ta có lớn nhỏ, tướng tu của ta có lớn nhỏ. Các tướng ngăn che càng lớn thì trí Bát nhã càng nhỏ, những cái giả tạo càng lớn thì trí Bát nhã càng nhỏ. Tu hành là tin mình đang có tự tính Bát nhã vừa tịch lặng (không có niệm, không nhớ nghĩ) vừa soi chiếu sống động nơi tâm mình, nhận biết nó cho đến lúc rõ ràng mình là nó. “Tự tâm thường khởi chính kiến”, chính kiến là cái thấy của trí tuệ lìa tướng, “phiền não trần lao thường chẳng thể nhiễm”, thì đây là “chân tính tự dụng”. Trụ trong chân tính này, thì bên trong ánh sáng trí tuệ càng soi chiếu và bên ngoài các tướng càng tiêu tan thành tính. Thường tự dụng tự tính cả trong lẫn ngoài như vậy, càng ngày càng tương ưng thấy rõ tự tính và đến khi tương ưng đầy đủ thì “trong ngoài chẳng trụ, qua lại tự do, bất dút tâm bám chấp, thông suốt không ngăn ngại”, thì đây là Kinh Bát Nhã hay tính Không hiện tiền trong đời sống hàng ngày. Đó gọi là thấy tính, nghĩa là đời sống là sự thể hiện của tính Không: bất dút tâm bám chấp thì an vui, trong ngoài chẳng trụ, đây là tự do vô ngại. Đời sống bình thường trở lại thật tướng của nó: an vui, tự do, và vô ngại.

Tự tính vốn nguyên của ta vốn thanh tịnh, tâm mình tính mình vốn thanh tịnh, hiện giờ đang có nó, đang là nó, mà không biết bèn là chúng sinh biến hiện ra sinh tử, trùng trùng hình tướng phân biệt, còn thấy biết được nó thì xưa nay vẫn ở trong Niết bàn không một hạt bụi. Bốn tâm thì vốn có ngay lúc này, ngay tại đây, nếu biết xoay lại không theo tướng, bèn hoàn lại được, trở lại được với cái

xưa nay vốn là chính mình mà chưa từng có chút sinh diệt nào của sinh tử.

Phải biết rằng tất cả Phật giáo vốn tự sẵn đủ trong tính mình. Nếu có phước duyên lớn gặp được thiện tri thức chỉ cho cái kho tàng Phật pháp nơi tâm mình thì dùng cả đời không hết. Nếu không đủ phước duyên để gặp một vị khai thị chỉ bày thì cũng phải tin kho tàng Phật pháp ấy gần với mình còn hơn thịt xương hơi thở, mắt tai mũi lưỡi thân ý đưng vào cái gì thì kho tàng ấy hiển lộ. Với niềm tin ấy rồi tìm cầu với tất cả thân tâm thì thế nào cũng có ngày gặp được nó, vì có bao giờ nó lìa khỏi mắt tai mũi lưỡi thân ý đâu. Chỉ cần khởi một niệm Bát nhã chân chính quán chiếu thì liền nhận ra nó. Một niệm Bát nhã chân chính quán chiếu! Chỉ một niệm xoay lại thì đó chính là ông chủ!

3. Trí tuệ quán chiếu

Trí tuệ quán chiếu thì trong ngoài sáng suốt, trong không có thân tâm, ngoài không có thể giới, tức là tính Không vô ngã vô pháp hiện tiền. Đây là biết rõ bản tâm, bản tâm này là tính Không, không có ngã không có pháp. Bản tâm là tính Không, bản tâm là vô niệm. Trong bản tâm tính Không, không có một niệm nào có thể đặc, không có một niệm nào có thể có vì tất cả các niệm đều không có tự tính, đều là tính Không. Biết bản tâm thì biết rằng bản tâm vốn là giải thoát vì chưa từng thật có niệm nào.

Nhưng vô niệm không phải là không có ý nghĩ nào, không có niệm nào, như một tảng đá. Có ý nghĩ, có niệm nhưng vẫn là vô niệm vì một khi biết bản tâm tính Không thì ý nghĩ hay niệm đều vô tự tính. Các niệm tức là bản tâm tính Không nên các niệm vốn là giải thoát. Thấy biết tất cả các pháp mà tâm chẳng nhiễm dính, đó là đang sống cái tâm vô niệm. Tâm vô niệm này luôn luôn thanh tịnh, cho nên sáu thức, sáu cửa, sáu trần, tức là cái dụng của nó (“dùng thì khắp tất cả chỗ”), đều thanh tịnh. Hoạt động của chúng là thanh tịnh, sáu thức ra sáu cửa, thấy biết sáu trần mà không nhiễm, không tạp vì tất cả đều thanh tịnh, vô ngại. Đây là ở trong tâm vô niệm thanh tịnh vô ngại. Sống cái tâm vô niệm này thì sinh tử trở thành giải thoát, đến đi tự do, tự tại giải thoát. Sống cái tâm vô niệm này là sống trong tính Không, gọi là Bát nhã tam muội, hạnh vô niệm.

Tâm vô niệm không phải là triệt tiêu tất cả các niệm, đó là sự trói buộc, cái thấy một bên, một cái “không vô ký”. Tâm vô niệm không phải là hoàn toàn tĩnh, nó vượt lên tĩnh và động, nên tĩnh cũng là nó mà động cũng là nó. Vô niệm là niệm khởi từ trong tự tính và tan biến vào trong tự tính. Niệm sinh khởi, ở đó, biến đổi và diệt mất, mỗi khoảnh khắc ấy của niệm đều không có tự tính, nghĩa là khi đang sinh là đang diệt. Khi thấy rõ niệm là vô tự tính như chính bản tâm vô niệm thì nói niệm khởi trong và tan biến vào là vô nghĩa. Niệm chính là vô niệm,

đó cũng là bản tâm. Biết và sống như vậy gọi là Bát nhã tam muội, “thấy cảnh giới muôn pháp suốt thông của chư Phật”.

Đồng thấy là đồng cái thấy tâm trí tuệ vô niệm. Đồng hạnh là sống “hạnh vô niệm” hay sống tâm trí tuệ vô niệm. Tâm trí tuệ vô niệm này luôn luôn có sẵn nơi tâm mình, dùng liền có ngay, nên gọi là Đốn giáo. Tu là tu cái thấy và cái hạnh này, nếu trọn đời không thối chuyển thì quyết định vào Thánh vị. Sự ứng dụng trực tiếp trí tuệ Bát nhã tính Không này vào cái thấy và hạnh trong cuộc sống thường ngày, đây gọi là Đốn giáo. Thấy là thấy tính Không “xưa nay không một vật”, hạnh là sống trọn vẹn thân khẩu tâm trong tính Không. Pháp môn này thật dễ vì có ngay, luôn luôn hiện tiền, nhưng cũng thật khó vì khó tin và dễ xem thường.

4. Tính

Tất cả pháp môn của đạo Phật đều quy về tính. Tính là Nền tảng và cũng là Quả của sự tu hành. Tính là cái chung của chúng sinh và chư Phật, có điều một bên chưa thanh tịnh và một bên đã thanh tịnh. Trong tính có đầy đủ tất cả công đức, tất cả Phật pháp. Cho nên không lấy phương tiện nào như giới, định, tuệ, hạnh... làm căn bản, cơ sở để tu mà lấy ngay tính làm nền tảng để tu. Lấy tính làm nền tảng để tu thì sự đắc quả cũng chính ngay trên nền tảng ấy, một nền tảng đã hết sạch trần lao phiền não tạm thời. Hợp với lý, chân lý thì “hoàn về một”, hoàn về một nền tảng và cũng là quả duy nhất cho chúng sinh cũng như bậc giác ngộ. Lấy một tính làm nền tảng duy nhất chứ không đi vào “muôn thứ” phương tiện, đây là môn thấy tính được gọi là Đốn giáo. Đốn giáo bởi vì nhân địa cũng là quả địa, nền tảng cũng là quả.

Tính như mặt trời, đồng đều cho tất cả chúng sinh. Nhưng trong nhà mình phiền não làm tối tăm, thì phải lấy trí tuệ Bát nhã như mặt trời để thường soi chiếu. Tà là bóng tối của tham, sân, si, mạn, nghi.... Khi chúng đến là phiền não đến, tối tăm đến. Khi mặt trời trí tuệ có thì phiền não trừ. Cho nên “thường phải sinh tuệ nhật”, thường phải thấy mặt trời. Tu hành như thế cho đến Vô công dụng đạo ở Địa thứ Tám thì chính tà đều chẳng dùng vì lúc ấy phiền não trần lao đã hết, chỉ còn một vị chính, chỉ còn một ánh sáng mặt trời. Khi ấy thân tâm thế giới đều “thanh tịnh đến vô dư”.

Giác ngộ là tự tính, vốn vô niệm, vô sinh, dứt bật dấu vết sinh tử, như hư không hằng hằng thanh tịnh. Trong cái vốn giải thoát ấy mà khởi tâm, tâm tìm kiếm, tâm tu, thì như bầu trời liền khởi mây che. Tuy là có mây bầu trời vẫn là bầu trời, chỉ có người mê lầm thấy mây mà quên mất bầu trời không hề ô nhiễm.

Ngay cả khởi tâm thiện, tâm tu thì vẫn là vọng, là tạo ra mây mà tưởng là thêm thanh tịnh cho bầu trời. Tâm vô niệm này không cần bất cứ khởi niệm nào vì “tự tính vốn tự đầy đủ”. Khi đã khởi tâm tức là đã tạo ra một lớp vọng, vọng tưởng giác ngộ là tâm vô niệm, tưởng sinh tử là tâm có niệm, bèn khởi thêm lớp vọng khác là phải tịnh hóa tâm sinh tử, thế là sự tịnh tâm ấy vẫn ở trong vọng. Tu vọng thì càng thêm vọng. Vậy thì tu như thế nào đây? “Chỉ chính: không ba chương”. Chính ở đây là tự tính vô niệm, tự tâm vô niệm. Chỉ trụ trong cái chính là tâm vô niệm thì không có ba chương phiền não chương, nghiệp chương và báo chương. Bất cứ lúc nào chỉ trụ trong cái chính là tâm vô niệm, khi ấy không có vọng, khi ấy là tự tính vốn giác ngộ.

Thức thì phân biệt, chia cắt giữa ta người, tâm cảnh, cái này tốt cái kia xấu, thương ghét.... Sự phân chia ấy làm phương hại đến thực tại vốn một, làm phiền não khởi sinh. Đây chính là “lỗi mình”. Còn ở trong trí, trong tâm vô niệm, thì không có phân biệt, cho nên không có sự phương hại đến cái toàn thể cũng như các phần tử. Tâm vô niệm “tất cả chẳng phương hại” ấy cũng chính là tâm từ bi, với tất cả xem là một. Đây là từ bi không do tập luyện, không từ ngoài vào, mà là từ bi của chính tự tính. Như mặt trời thì có sự tỏa khắp. “Thường tự thấy lỗi mình” là thường tự thấy ngay khi mình đi lạc ra ngoài tâm vô niệm, tâm vô phân biệt, tâm nhất như. Lỗi là đi vào sự phân biệt, phân chia, lấy bỏ, chống trái, xung đột..., lỗi là đi lạc khỏi tâm vô niệm vô phân biệt, lạc khỏi tự tính. Nên thường tự thấy lỗi mình là luôn luôn an trụ trong tự tính để dần dần thấy tất cả đều là tính. Đây là trí tuệ Bát nhã vô niệm đồng nhất với từ bi vô ngại và vô lượng. Khi không chạy theo lỗi phân biệt, liền ngay lúc đó là tâm vô niệm. Đó là “liền cùng đạo tương ưng”. Hộ trì tâm không có lỗi phân biệt này, đây là tâm vô niệm. Lối tu y trên nền tảng tính này thấy không có gì hình thức bề ngoài, có vẻ nhàn nhã thông dong, nhưng tu như vậy không phải dễ, vì huy động tất cả Phật pháp để hộ trì cho được tâm vô niệm, tức là tất cả Phật pháp.

Sắc loại là các sự vật. Các sự vật ấy có bản tính là tính Không, “sắc tức là Không, Không tức là sắc”, nên gọi là tự có đạo, tự có thực tại tính Không nơi chúng. Vì đồng một tính Không nên chúng chẳng nào hại nhau mà vô ngại với nhau. Thêm một lần nữa, chúng ta thấy trí tuệ tính Không và từ bi “chẳng nào hại nhau” là một. Thế giới vật chất chính là tính Không, chính là tâm vô niệm đang hiển bày thực tướng vô ngại của nó trước mặt chúng ta, thế mà không nhìn thấy lại khởi vọng tâm chạy tìm ở đâu đâu thì lạc mất tính mà trọn đời chẳng thấy đạo. Thấy tướng ở đâu là có phiền não ở đó, lăng xăng chạy theo tướng một đời thì cuối cùng càng thêm phiền não khổ đau. Mở mắt mà nhìn với tâm vô niệm, đây là thấy đạo, thấy tính: “Chỉ chính: không ba chương”. Cho nên muốn thấy được chân đạo, chân tính thì hãy hành hạnh chính, tức là hạnh trí tuệ vô niệm, vô phân biệt.

Thấy thế gian là đã có lỗi vì đã lạc vào tướng. Rồi giữa các tướng vọng thấy, vọng phân biệt ấy lại còn tìm lỗi sai đúng thì đã lạc khỏi tâm vô niệm quá xa. Đây là “hạnh tối”.

Tìm lỗi người khác thì tự tính đã thành tà, vì bị cái ta - người nhiễm ô, che lấp. Rồi khen rồi chê, tâm phân biệt giờ đây kín đặc phiền não. Tâm vô niệm, vô phân biệt, tròn đầy từ bi của ta thì như hư không trùm khắp vũ trụ, trong đó cái gì cũng là tâm ta cả, cái gì cũng là tính Không, vốn giải thoát. Thế mà thấy có người khác ở ngoài tâm ta thì “tự mình đã sai rồi” rồi lại làm cho tâm mình hạn hẹp lại, tối tăm thêm khi gán cho họ những lỗi lầm và phê phán, chê bai. Nếu không thấy lỗi lầm của thế gian, không chê bai, không nâng cái ta của mình lên, hạ người khác xuống thì tất cả đều là Một Tâm, một pháp giới Nhất Chân, một Tịnh độ, trong đó không có ai là chúng sinh, ai là xấu ác. Trong tâm Phật thì tất cả chúng sinh đều là Phật, tâm ta đã là vàng thì tất cả đều biến thành vàng. Thấy tính là thấy tất cả tướng đều là tính. Nếu thấy tất cả chúng sinh đều là Phật thì tâm ta chính là tâm Phật. Còn có thấy ma, thấy chúng sinh xấu ác thì tâm ta còn có ma, còn có xấu ác. Một vị đạt đến Vô sinh pháp nhẫn thì không đòi hỏi gì ở thế gian cả. Chẳng lẽ đòi hỏi “lông rùa” phải trắng, “sừng hổ” phải dài?

Phương tiện thì lưu xuất từ tự tính Không cho nên phương tiện mà vẫn là Không, Vô tướng, Vô tác. Phương tiện ấy không phải là cái đặt bày ra để chỉ thẳng tính Không, phương tiện không ngoài tính Không, nó chính là tính Không, trần trụi là tính Không. Thế nên không lập ra một trung gian để có thể gây cho người khác nghi lầm. Phương tiện chính là tính Không, đó là tự tính hiện. Chúng ta thấy về sau các thiện sư sử dụng rất nhiều phương tiện như vậy (vì tính Không có bao giờ hết phương tiện để tự biểu lộ) mà người không hiểu thì cho là kỳ dị, xa với những công thức của Phật giáo.

Phật pháp là thật tướng của thế gian. Nói cách khác, thế gian là cái nhìn về Phật pháp bị méo mó, đảo ngược. Kinh nói: “Bản tính của sinh tử là Niết bàn”. Bản tính của các vọng tưởng phiền não là tâm vô niệm vốn giải thoát.

Cũng một thực tại mà thấy đúng (chính kiến) là xuất thế, thấy sai (tà kiến) bèn thành thế gian. Niết bàn hay sinh tử chỉ do cái nhìn đúng hay sai. Với người hoàn toàn thấy tính thì những ý niệm đúng sai, sinh tử Niết bàn, tướng tính đều biến mất, vì những ý niệm ấy vẫn là những phân biệt vi tế không còn cần thiết. Tất cả chỉ là tính giác ngộ hiển bày rõ ràng, không một vi trần nào, không một khoảng khắc nào không là tính, và mọi ý niệm, mọi lời nói trở nên vô ích, thừa thãi. Bài kệ này bao gồm Giới Định Tuệ ở mức cao nhất, nên gọi là Đốn giáo. Giới định tuệ ở đây là giới định tuệ vốn là công đức sẵn có của tự tính vô niệm,

cho nên đừng chạm đến chúng, thực hành chúng “hành chính tức là đạo” thì liền “tức là tự tính hiện”.

Cư sĩ Phạm Tuấn Minh tóm lược

Tài liệu: Lục tổ Pháp Bảo Đàn kinh - Giảng giải, soạn văn: Dương Đạo, NXB
Thiện Tri Thức - 2016